

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 11 - 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Ông Hoàng Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thùy C, sinh ngày: 04/06/1994

Địa chỉ thường trú: Xóm 7, C, xã L, huyện V, Nam Định.

Chỗ ở hiện tại: Thôn L, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

CCCD số: 035194000162 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/08/2019.

* Bị đơn: Anh Trần Như Y, sinh ngày: 20/09/1993

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 7, thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị Thùy C trình bày: Chị và anh Trần Như Y tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì anh Y đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu anh Y vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm tình hình sức khỏe vợ con và gia đình. Đến tháng 2/2020, do biết tin anh Y không tập trung làm ăn mà chơi bời bên Nhật nên chị đã quyết định xuất khẩu lao động qua Nhật để quản lý cũng như ở gần chồng, động viên chồng làm ăn để có tiền trang trải cho cuộc sống. Tuy nhiên, do chỗ chị làm việc cách xa chỗ anh Y nên chị không thể quán xuyến cũng như ở gần bên chồng nhưng anh chị vẫn thường xuyên nhắn tin qua điện thoại. Đến tháng 5/2021 anh Y chặn hết các đầu mối liên lạc giữa chị và anh Y. Cuối tháng 2/2023, anh Y có liên lạc với chị để nói việc giải quyết ly hôn nhưng vì lý do chị bận công việc của công ty nên không thể về để giải quyết được. Cho đến tháng 06/2023, chị chủ động liên lạc với anh Y đề nghị cung cấp giấy tờ cần thiết cho chị hoàn thiện hồ sơ ly hôn nhưng anh Y không cung cấp. Từ tháng 07/2023 cho đến nay anh chị không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Như Y.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Viết Minh Q, sinh ngày 03/06/2014, hiện tại cháu đang sống cùng bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của anh Y) tại địa chỉ: xóm 7, thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Cháu Trần Nhật H, sinh ngày 11/05/2016, hiện tại cháu đang sống cùng chị và ông Trịnh Xuân Th, sinh năm 1958; bà Lê Thị L, sinh năm 1958 (bố mẹ đẻ của chị) tại địa chỉ: thôn L, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Nhật H cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện tại cháu đang sống cùng chị và ông bà ngoại của cháu. Còn cháu Trần Viết Minh Q chị cũng rất muốn Tòa án giao cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do cháu đã đủ 07 tuổi nên chị tôn trọng quyết định của cháu khi lựa chọn ở với ai. Chị không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên sau đó chị C thay đổi quan điểm: Hiện nay chị lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật, còn anh Y đã về nước và đón cháu H về ở cùng với anh và bà nội tại thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh Y nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Như Y trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị C trình bày là đúng. Sau khi anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh nhất trí ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh chị có hai con như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên hiện nay chị C lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật, còn anh đã về nước và đón cháu Nhật về ở cùng với anh và bà nội tại thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với bố và bà nội. Vì vậy đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Cháu Trần Viết Minh Q và cháu Trần Nhật H đều có đơn trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng ở cùng với bố và bà nội.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị Thùy C và anh Trần Như Y. Giao 2 con chung cho anh Trần Như Y nuôi dưỡng và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Thùy C và anh Trần Như Y có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thùy C và anh Trần Như Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, vợ chồng ít liên lạc với nhau và không

còn quan tâm đến nhau. Nay chị C xin ly hôn, anh Y cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của chị C và anh Y đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu là Trần Viết Minh Q, sinh ngày 03/06/2014 và cháu Trần Nhật H, sinh ngày 11/05/2016, hiện tại hai cháu đang sinh sống cùng anh Y tại xóm 7, thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh Y xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, chị C đồng ý; cháu Q và cháu H đều có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy cần giao hai con chung cho anh Y nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện sinh sống thực tế hiện nay của anh chị và con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Y về việc không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị Thùy C và anh Trần Như Y.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Viết Minh Q, sinh ngày 03/06/2014 và cháu Trần Nhật H, sinh ngày 11/05/2016 cho anh Trần Như Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành lao động tự lập được. Chị Trịnh Thị Thùy C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị Thùy C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004321 ngày 03/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị Trịnh Thị Thùy C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Y vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; chị C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng